

THỰC TRẠNG THÔNG TIN TÍNH CHỈ TIÊU GDP XANH Ở VIỆT NAM

*ThS. Đinh Thị Thúy Phương**

GDP xanh là phần còn lại của GDP sau khi đã trừ các chi phí do khử chất thải từ sản xuất, tiêu dùng, chi phí tiêu dùng tài nguyên và mất mát về môi trường do các hoạt động kinh tế [1]. Công thức tính chỉ tiêu GDP xanh như sau:

$$\text{GDP xanh} = \text{GDP} - \Omega \quad (1)$$

Trong đó: Ω là tổng chi phí khử chất thải và tiêu dùng tài nguyên của các hoạt động kinh tế, bao gồm: Giá trị sản xuất của các ngành khai thác; Chi phí khử chất thải từ các hoạt động sản xuất, tiêu dùng cần được khử; Chi phí sử dụng đất.

Giá trị sản xuất của các ngành khai thác đã có sẵn nguồn dữ liệu do Tổng cục Thống kê công bố; Chi phí khử chất thải từ các hoạt động sản xuất, tiêu dùng cần được khử và Chi phí sử dụng đất chưa có sẵn nguồn số liệu để tính Ω nói riêng và GDP xanh nói chung.

Để tính toán được GDP xanh ở Việt Nam, có 29 chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (CTTKQG) [5] được phân tổ theo 3 nhóm sau:

- Tài khoản tài nguyên khoáng sản, tài khoản tài nguyên rừng và giá trị sản xuất từ các ngành khai thác (11 chỉ tiêu);

- Tài khoản tài nguyên đất và chi phí sử dụng đất (4 chỉ tiêu);

- Tài khoản chi tiêu bảo vệ môi trường, tài khoản ô nhiễm và chi phí khử chất thải từ

các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử (14 chỉ tiêu).

Đến nay có 5/29 chỉ tiêu được thu thập và công bố; 1/29 chỉ tiêu được thu thập nhưng chưa công bố; 5/29 chỉ tiêu được thu thập nhưng không đầy đủ thông tin; 18/29 chỉ tiêu chưa được thu thập thông tin. Đặc biệt số chỉ tiêu chưa được thu thập thông tin là các chỉ tiêu thống kê liên quan đến việc lập tài khoản chi tiêu công bảo vệ môi trường, tài khoản ô nhiễm và chi phí khử chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử, lập tài khoản tài nguyên đất.

1. Thực trạng thu thập thông tin liên quan tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam

Hiện nay Tổng cục Thống kê đồng thời sử dụng ba hình thức thu thập thông tin, gồm: Chế độ báo cáo thống kê (CĐBCTK); điều tra thống kê; khai thác hồ sơ hành chính.

(1) Chế độ báo cáo thống kê

- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài⁴³. Theo đó báo cáo thu thập các thông tin về chi đầu tư cho xử lý và bảo vệ môi trường (BVMT), tình hình xử lý rác thải doanh nghiệp và BVMT, chưa thu thập thông tin "Khối lượng chất thải gây ô nhiễm môi trường". Riêng đối với các

* Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê

⁴³ Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, báo cáo các chỉ tiêu chuyên ngành, phản ánh về sản phẩm, sản lượng, quy mô, năng lực sản xuất của doanh nghiệp, ví dụ: Doanh nghiệp có hoạt động thu gom và xử lý rác thải, báo cáo chỉ tiêu khối lượng rác thải đã thu gom/xử lý trên địa bàn.

- Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp

+ Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục thống kê tỉnh, thành phố: Ngày 07 tháng 11 năm 2012 Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Thông tư số 08/2012/TT-BKH&ĐT, quy định CĐBCTK tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo đó có 03 biểu liên quan đến thống kê môi trường, gồm: Đánh giá thiệt hại do thiên tai (theo từng đợt thiên tai); khai thác, thu nhật gỗ và lâm sản khác; thiệt hại rừng. Các thông tin về ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường và chỉ tiêu BVMT chưa được đề cập trong chế độ báo cáo này.

+ Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành: Ngày 17 tháng 2 năm 2014 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg về CĐBCTK tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành thay thế Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 8 năm 2008. Theo đó một số Bộ, ngành thực hiện CĐBCTK liên quan đến thu thập thông tin thống kê tính chỉ tiêu GDP xanh như sau:

Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) thực hiện 13 biểu báo cáo thống kê: Hiện trạng sử dụng đất chia theo đối tượng sử dụng, quản lý; hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp; hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp; diện tích đất thoái hóa chia theo tỉnh, thành phố; nồng độ một số chất độc hại trong không khí; tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá quy chuẩn cho phép; hàm lượng

một số chất độc hại trong nước mặt; hàm lượng một số chất độc hại trong nước biển tại một số cửa sông, ven biển và biển khơi; hàm lượng một số chất độc hại trong trầm tích đáy tại khu vực cửa sông, ven biển; số vụ, số lượng dầu tràn và hóa chất rò rỉ trên biển, diện tích bị ảnh hưởng; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý; chi cho hoạt động BVMT. Bộ TN&MT hầu như chưa triển khai thực hiện Chế độ báo cáo này, trong đó có 13 biểu liên quan đến thu thập thông tin tính chỉ tiêu GDP xanh⁴⁴;

Bộ Xây dựng thực hiện 3 biểu báo cáo thống kê: Đô thị xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; chất thải rắn thông thường thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Bộ Xây dựng thực hiện đầy đủ số lượng 13 biểu báo cáo thuộc CĐBCTK Bộ, ngành, trong đó có 3 biểu liên quan tính chỉ tiêu GDP xanh⁴⁴.

(2) Chương trình điều tra thống kê

Chương trình Điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, gồm: 57 cuộc điều tra và 3 cuộc tổng điều tra, trong đó có 6 cuộc điều tra, 2 cuộc tổng điều tra thu thập thông tin liên quan đến môi trường và tính chỉ tiêu GDP xanh. Đó là, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản (2 chỉ tiêu); Kiểm kê đất đai và lập hiện trạng sử dụng đất (2 chỉ tiêu); Tổng điều tra kiểm kê rừng (2 chỉ tiêu); Điều tra các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở sản

⁴⁴ Báo cáo triển khai nhiệm vụ của TCTK giai đoạn 2016-2020, ngày 16 tháng 8 năm 2016.

xuất kinh doanh cá thể có hoạt động vận tải kho bãi (1 chỉ tiêu); Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp (3 chỉ tiêu); Điều tra Khảo sát mức sống dân cư (4 chỉ tiêu); Điều tra doanh nghiệp (4 chỉ tiêu); Điều tra thu thập thông tin lập Bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian (2 chỉ tiêu). Các chỉ tiêu phục vụ tính GDP xanh trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia phản ánh về hiện vật (trừ các chỉ tiêu thu thập từ điều tra nêu trên), Điều tra thu thập thông tin lập Bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian và Điều tra mức sống dân cư là phản ánh về giá trị.

(3) Hồ sơ hành chính

Khai thác hồ sơ hành chính phục vụ công tác thống kê đang là xu hướng chung của thống kê thế giới. Tuy nhiên trong thời gian qua việc khai thác hồ sơ hành chính phục vụ biên soạn số liệu thống kê nói chung và biên soạn số liệu GDP xanh nói riêng chưa được quan tâm đúng mức.

2. Thực trạng nội dung thông tin liên quan tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam

Như trên đã đề cập, có ba yếu tố chính để tính GDP xanh, trong đó yếu tố "Chi phí khử chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử" và yếu tố "Chi phí sử dụng đất" còn nhiều vấn đề về nội dung thông tin của các yếu tố này:

- Đối với yếu tố "Chi phí khử chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử": Với 14 chỉ tiêu trong Hệ thống CTTKQG [5], đây là nguồn thông tin cung cấp đầu vào lập tài khoản chi tiêu công BVMT (về giá trị); Tài khoản ô nhiễm (về hiện vật), thì việc xác định và đo lường để có thông tin là rất khó khăn. Hiện trạng có chỉ tiêu "Chi cho hoạt động BVMT" có thể bóc tách được một phần từ

tổng chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường (số liệu niên giám thống kê hàng năm của TCTK). Tuy nhiên số liệu chi hoạt động môi trường, còn tổng hợp chung với số liệu chi sự nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ. Hơn nữa chi hoạt động về môi trường, chưa phải là chi hoạt động BVMT. Vì chi hoạt động về môi trường còn có các loại chi phí như: Quản lý, mua sắm tài sản cố định, xây dựng, v.v..., các loại chi phí này cần được bóc tách, nếu không sẽ ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khi tính chỉ tiêu GDP xanh.

Số liệu "Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường" công bố trên niên giám thống kê hàng năm, là khoản chi từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN), chưa có số liệu thống kê phản ánh chi BVMT từ các nguồn khác ngoài NSNN, ví dụ: Nguồn từ các dự án nước ngoài, tư nhân. Ngoài chỉ tiêu chi phí liên quan đến BVMT đã có một phần số liệu, còn nhiều chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực môi trường có nội dung chung chung, chưa đầy đủ. Theo Hệ thống CTTKQG về lĩnh vực môi trường, phần lớn các chỉ tiêu chưa được công bố trước năm 2013, tuy nhiên Niên giám thống kê năm 2014 đã công bố 3 chỉ tiêu về lĩnh vực môi trường.

Một khía cạnh khác liên quan đến nội dung các chỉ tiêu thống kê thuộc nhóm chỉ tiêu BVMT trong Hệ thống CTTKQG, là phần lớn các chỉ tiêu này có nội dung thông tin mới phản ánh hiện tượng xảy ra, chưa đề cập mức độ thiệt hại tính bằng tiền hoặc tổng số kinh phí cần thiết cho việc khắc phục những thiệt hại về môi trường. Ví dụ: Diện tích rừng tự nhiên bị suy thoái; hàm lượng một số chất độc hại trong nước; tỷ lệ rừng đặc dụng được bảo tồn; mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt; tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, v.v...

Các chỉ tiêu nêu trên đều phản ánh hiện tượng, chưa phản ánh kết quả thiệt hại theo mức độ ô nhiễm với số tiền là bao nhiêu?, chưa thể hiện được diện tích rừng bị suy thoái, hàm lượng chất độc trong nước, mức giảm lượng nước mặt, nước ngầm, số khu công nghiệp, chế xuất ô nhiễm cần xử lý, chất thải rắn thu gom cần xử lý... đã gây thiệt hại trị giá bằng tiền là bao nhiêu? hoặc số kinh phí cần thiết khắc phục hậu quả các hiện tượng ô nhiễm môi trường. Có kết quả về số liệu như vậy, mới có nguồn thông tin về chi phí cần thiết để xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng để phục vụ tính chỉ tiêu GDP xanh. Một số chỉ tiêu về môi trường chưa thu thập được thông tin, như: Hàm lượng một số chất độc hại trong nước biển tại một số cửa sông, ven biển và biển khơi; hàm lượng một số chất độc hại trong trầm tích tại một số cửa sông. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất, tiêu dùng cuối cùng và cộng đồng gây ra, hiện nay chưa thống kê đầy đủ.

Số liệu về chi tiêu cho BVMT chưa được tổng hợp chung trên phạm vi cả nước. Chi tiêu hoạt động BVMT chủ yếu từ nguồn NSNN và phân bổ cho nhiều Bộ, ngành; tỉnh, thành phố có chức năng BVMT, mặc dù được hạch toán theo từng loại, khoản, mục riêng theo mục lục NSNN, nhưng không công bố chi tiết, công khai. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường mặc dù buộc phải chi trả theo nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải chi trả", nhưng mới dừng lại "số vụ việc được phát hiện" rất thấp so với thực tế và không được thống kê, tổng hợp đầy đủ. Nguyên tắc "trả trước" tức là tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh, tùy theo ngành, loại hình, khu vực, thành phần kinh tế đều phải đóng phí BVMT cho "Quỹ BVMT quốc gia"

theo các mệnh giá do Nhà nước quy định, tuy đã được áp dụng, nhưng chưa có đơn vị chủ trì, thống kê, tổng hợp để báo cáo Chính phủ.

Nhìn chung số liệu thống kê thuộc yếu tố "Chi khử chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử" để tính GDP xanh ở Việt Nam còn hạn chế, thu thập thông tin gặp nhiều khó khăn, thông tin vừa thiếu, chưa bảo đảm độ tin cậy cần thiết, vì các chỉ tiêu về BVMT có trong Hệ thống CTTKQG đã ban hành, nhưng chưa thực hiện đầy đủ và nội dung của các chỉ tiêu chưa thật hoàn chỉnh khi đứng trên góc độ xem xét thông tin liên quan tính chỉ tiêu GDP xanh.

- Đối với yếu tố "Chi phí sử dụng đất": Là phạm trù rộng liên quan đến nhiều hoạt động và có cấu trúc từ nhiều khoản chi, nên thông tin có thể khai thác từ kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản do TCTK tiến hành 5 năm một lần và từ một số cuộc điều tra riêng về chi phí sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiến hành hàng năm. Tuy nhiên, số liệu thu được còn chắp vá, tản mạn, chưa được hệ thống, chưa bóc tách được các khoản mục phù hợp với nội dung của thông tin cần tính toán. Đặc biệt các chỉ tiêu: Tỷ lệ đất được bảo vệ duy trì đa dạng sinh học, diện tích đất bị thoái hóa, biến động diện tích đất... Chi phí sử dụng đất nên phân thành hai loại: (i) Chi phí sử dụng đất gây ô nhiễm về đất như bón thuốc trừ sâu, bón phân hóa học... làm cho đất bạc màu, bị thoái hóa, ô nhiễm; (ii) Chi phí sử dụng đất như bón phân hữu cơ, chi phí cải tạo đất làm cho đất đai màu mỡ hơn, độ xốp của đất tốt hơn.

Trong hai loại chi phí sử dụng đất nêu trên, chi phí sử dụng đất gây ô nhiễm về đất, làm cho đất bạc màu, bị thoái hóa cần được trừ từ GDP để xác định GDP xanh; chi phí sử

dụng đất để cải tạo đất làm tăng độ phì nhiêu của đất phải được tách ra, không trừ vào GDP khi tính GDP xanh.

Vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất cần tiếp tục được làm rõ.

Phương pháp luận quy định tính GDP xanh, bằng GDP trừ chi phí sử dụng đất nói chung là chưa thật chuẩn xác, cần có được thông tin đúng theo yếu tố thứ ba để tính GDP xanh, chưa kể việc thu thập số liệu về yếu tố này trong thực tế rất khó khăn.

Từ phân tích trên cho thấy việc biên soạn chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, khó khăn, chủ yếu là do thiếu thông tin để tính toán. Trước thực tế đó, không thể chờ đủ điều kiện về thông tin mới tính chỉ tiêu GDP xanh, cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện phương pháp tính, mạnh dạn sớm tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam.

Đề xuất hướng hoàn thiện thông tin tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam

+ Hoàn thiện phương pháp thu thập thông tin tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam: Kết hợp phương thức thu thập thông tin qua CĐBCTK, điều tra thống kê, khai thác hồ sơ hành chính và một số hình thức thu thập thông tin khác. Vì thông tin tính chỉ tiêu GDP xanh, liên quan đến nhiều Bộ, ngành, như: Bộ TN&MT; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Bộ KH&ĐT (TCTK), một số thông tin được quy định trong CĐBCTK tổng hợp của Bộ, ngành, những thông tin còn lại sẽ cài đặt vào các cuộc điều tra thống kê.

+ Hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh, trên cơ sở phương pháp tính quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT, quy định giải thích nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia*, ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2011;
2. Bùi Bá Cường (2014), *Đánh giá thực trạng số liệu và đề xuất nội dung thông tin thống kê kinh tế, phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam*;
3. Tăng Văn Khiên (2014), *Đánh giá thực trạng số liệu và đề xuất nội dung thông tin thống kê môi trường, phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam*;
4. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg, ban hành Bảng phân ngành kinh tế Việt Nam*, ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2007;
5. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg, ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia*, ban hành ngày 06 tháng 01 năm 2010;
6. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 803/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình Điều tra thống kê quốc gia*, ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2012;
7. Takahiro Akita and Noichi Nakamura (ed.) (2000), *Green GDP Estimates in China, Indonesia and Japan: An Application of the UN Environmental and Economic Accounting System*, The United Nations University, New York;
8. Statistics Norway, Oslo Kongsvinger, Norway (2014), *International experiences with "green GDP"*, truy cập ngày 25/4/2014, từ <http://www.eldis.org>.